TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Lưu Thị Hồng Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. *Bà* **Chu Thị Tuyết**

2. *Ông* **Đỗ Quang Linh**

- Thư ký phiên tòa: *Bà* **Hà Phương Ánh Nguyệt**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà: Bà* **NguyễnThị Tố Lan** -Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/*2019*/QĐXX-ST ngày *02* tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Bùi Thế Ch.** – Sinh năm: 1979.Có mặt.

Bị đơn: **Chị Phạm Quỳnh Ch2. –** Sinh năm: 1988.Vắng mặt.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: Tập thể trường Đại học C., phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, anh Bùi Thế Ch. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: anh Bùi Thế Ch. xin ly hôn với chị Phạm Quỳnh Ch2.

Về nuôi con chung: Anh chị hai con chung Bùi Hải S. sinh ngày 02/7/2011 và Bùi San A., sinh ngày 07/5/2014. Anh Ch. xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Ch2. cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không có.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn(bản sao).

2- Đơn xác nhận địa chỉ cư trú;

3- Bản sao sổ hộ khẩu gia đình;

4- Bản sao Chứng minh thư nhân dân của chị Phạm Quỳnh Ch2., anh Bùi Thế Ch.;

5- Bản sao Giấy khai sinh của hai cháu Bùi Hải S. và Bùi San A..

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – anh Bùi Thế Ch. trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Phạm Quỳnh Ch2. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2009 tại UBND phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như cách nuôi dạy con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên anh Ch. đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Ch2..

Về con chung: Anh chị có hai con chung: Bùi Hải S. sinh ngày 02/7/2011 và Bùi San A. sinh ngày 07/5/2014. Hiện hai con chung đang ở cùng anh Ch.. Ly hôn anh xin nuôi cả hai con và anh không yêu cầu chị Ch2. đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Ch. và chị Ch2. không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

* Bị đơn: chị Phạm Quỳnh Ch2. trình bày:

Chị thừa nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2009. Nay anh Ch. xin ly hôn, chị cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung: Bùi Hải S. sinh ngày 02/7/2011 và Bùi San A. sinh ngày 07/5/2014. Ly hôn anh Ch. xin nuôi cả hai con, chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung: không có.

Về công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Anh Bùi Thế Ch. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Phạm Quỳnh Ch2.; Về con chung: anh Ch. xin nuôi cả hai con; không yêu cầu chị Ch2. cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung vợ chồng không có và không yêu cầu Toà giải quyết; về công nợ chung: không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Phạm Quỳnh Ch2. có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn; nhất trí để anh Ch. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung; về tài sản chung: không có và không yêu cầu Toà giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt.

Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Thế Ch. đối với chị Phạm Quỳnh Ch2., anh Ch. được ly hôn với chị Ch2.; Về con chung: Giao hai con chung là Bùi Hải S. sinh 02/7/2011 và Bùi San A. sinh 07/5/2014 cho anhCh. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Thế Ch. không yêu cầu chị Phạm Quỳnh Ch2. cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn tiền cấp dưỡng con chung cho chị Ch2. cho đến khi hai bên có sự thay đổi khác; Về tài sản chung vợ chồng: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: anh Ch. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Tập thể trường Đại học C., phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Do đó vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân

[2] Về hôn nhân:

Anh Bùi Thế Ch. và chị Phạm Quỳnh Ch2. có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 17/12/2009 tại UBND phường Th., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo anh Ch., cuộc sống gia đình hạnh phúc đến tháng 8/2017 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con,

vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nay anh Ch. xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị Ch2..

Quá trình giải quyết vụ án, chị Ch2. đã nhận được văn bản tố tụng. Nhưng chị Ch2. không đến Tòa án mà gửi đơn đề nghị thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn; về con chung: Chị Ch2. nhất trí để anh Ch. nuôi dưỡng hai con chung, về tài sản chung không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Điều này thể hiện hôn nhân của anh chị rơi vào tình trạng mâu thuẫn vô cùng trầm trọng, đời sống Ch. không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Thế Ch.; anh Bùi Thế Ch. được ly hôn với chị Phạm Quỳnh Ch2..

[3] Về nuôi con chung: Cả anh Ch. và chị Ch2. đều thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân hai con vẫn do anh Ch. nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển cũng như sự ổn định trong cuộc sống của hai cháu và sự tự nguyện của hai anh chị Ch. - Ch2. nên giao hai con cháu là Bùi Hải S. sinh ngày 02/7/2011 và Bùi San A. sinh ngày 07/5/2014 cho anh Bùi Thế Ch. trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Quỳnh Ch2. có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Thế Ch. không yêu cầu chị Phạm Quỳnh Ch2. cấp dưỡng nuôi con chung; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Ch2. cho đến khi hai bên có sự thay đổi khác.

[4] Về Chia tài sản chung: Anh Bùi Thế Ch. và chị Phạm Quỳnh Ch2. không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Bùi Thế Ch. phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Bùi Thế Ch. đối với chị Phạm Quỳnh Ch2., anh Ch. được ly hôn với chị Ch2..

2- Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Bùi Hải S. sinh ngày 02/7/2011 và Bùi San A. sinh ngày 07/5/2014 cho anh Bùi Thế Ch. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ch2. cho đến khi hai bên có sự thay đổi khác. Chị Phạm Quỳnh Ch2. có quyền chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3- Về Chia tài sản: anh Bùi Thế Ch. và chị Phạm Quỳnh Ch2. không có và không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

4- Về án phí: Anh Bùi Thế Ch. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anhCh. đã nộp theo biên lai số 0005786 ngày 14.3.2019 tại Ch2. cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

5- Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Thị Hồng Vân